

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Xuân Dậu

2. Bà Đào Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Ông Phan Đăng Định – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1161/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2023, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ A, khu A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H** – sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ A, khu A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Lê Nguyên Đ** – Luật sư Công ty TNHH MTV B1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B.

Địa chỉ liên lạc: B9, KP4, cư xá P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông H, ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2022, tại bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, chồng hay nhậu nhẹt rồi đánh đập bà, việc này địa phương không biết, nhưng gia đình chồng và nhà ngoại đều biết, nay bà không còn tình cảm gì với chồng, vợ chồng đã sống ly thân gần một năm nay. Nên bà làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/11/2014 và cháu Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 02/4/2018. Khi ly hôn bà đồng ý để ông H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia B và bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo A, tạm thời không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 07/3/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị T kết từ ngày năm 2013, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có lúc cãi qua cãi lại về chuyện tiền bạc, còn đánh đập thì không có, ngoài ra thì không có mâu thuẫn gì cả, vợ chồng đã sống ly thân từ 15/5/2022 cho đến nay. Ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/11/2014 và cháu Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 02/4/2018. Ông không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa giải quyết ly hôn theo quy định thì ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia B và đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo A, tạm thời không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông H; Về con chung: Giao cháu Gia B cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Bảo A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ai; Về tài sản chung đương sự khai không yêu cầu Tòa giải quyết; Về nợ chung các đương sự khai không có. Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho ông Lê Nguyễn Đ – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H nhưng ông Đ vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 112/2013 ngày 26/10/2013 nên áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, chồng hay nhậu nhẹt rồi đánh đập bà, việc này địa phương không biết, nhưng gia đình chồng và nhà ngoại đều biết, nay bà không còn tình cảm gì với chồng, vợ chồng đã sống ly thân gần một năm nay. Nên bà làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông H. Còn ông H trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có lúc cãi qua cãi lại về chuyện tiền bạc, còn đánh đập thì không có, ngoài ra thì không có mâu thuẫn gì cả, vợ chồng đã sống ly thân từ 15/5/2022 cho đến nay. Ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Qua xác minh tại địa phương ngày 28/3/2023, thì địa phương không biết việc mâu thuẫn gia đình của bà T và ông H do đương sự không trình báo địa phương, không yêu cầu địa phương hòa giải, mà nộp đơn ly hôn trực tiếp lên Tòa án. Tuy nhiên, bà T và ông H đều xác định vợ chồng cũng có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân gần một năm nay. Ông H xác định còn thương vợ con, Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập ông H đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng ông H không đến, cho thấy ông H cũng không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này, bà T vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, bà T và ông H trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T xin ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/11/2014 và cháu Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 02/4/2018. Khi ly hôn bà T đồng ý để ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Gia B và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Bảo A, tạm thời không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Ông H cũng đồng ý với yêu cầu này của bà T nếu Tòa giải quyết cho ly hôn theo

quy định pháp luật. Do đó tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia B cho ông H và giao cháu Nguyễn Thị Bảo A cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho các cháu. Tạm thời không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/11/2014 cho ông Nguyễn Văn H và giao cháu Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 02/4/2018 cho bà Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của các đương sự.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có.

Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001985 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến